

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2019/DS-ST

Ngày 22-11-2019

"V/v: Tranh chấp giao dịch dân sự"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

2. Ông Trần Tuấn Hường

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa Bà Hoàng Thị Lệ Xuân- chức vụ Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 129/2019/TLST- DSST ngày 31 tháng 07 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXX-DS ngày 14/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà X, đường GT, tổ Y, phường TT, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Tổ B, phường TL, TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1]. Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2019 (nộp tại Tòa án ngày 28/6/2019) và đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/7/2019, bản tự khai, biên bản hoà giải nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Ông kinh doanh bán gạo, ngô, cám chăn nuôi năm 2011 anh Dương Văn T địa chỉ tổ B, phường TL có đến để lấy gạo, ngô, cám về chăn nuôi. Trong quá trình mua bán có lúc anh T trả tiền luôn cũng có lần không trả do đó giữa ông và anh T có lập 01 quyển sổ nợ để dễ theo dõi, mỗi lần mua hàng hoặc thanh toán tiền hàng. Tính đến ngày 22/9/2012 anh T còn nợ ông tổng số tiền là 91.600.000 đồng (Chín mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng), sau khi chốt nợ đến ngày 22/9/2012 giữa ông và anh T cùng nhau thỏa thuận tính lãi đối với số tiền đã chốt nợ như sau “Anh T phải trả lãi theo lãi xuất ngân hàng với mức 15%/năm, hàng tháng phải trả vào ngày 30 hàng tháng cộng thêm tiền gốc,

chậm nhất hết quý I năm 2013 anh T phải trả hết gốc”. Tuy nhiên, từ ngày chốt nợ, anh T không thực hiện đúng như thỏa thuận, có tháng anh T trả lãi, có tháng không trả lãi thậm chí có lúc cả năm anh T không trả tiền cho ông, ông đã gặp và nói chuyện với anh T nhiều lần nhưng anh T không trả. Đến ngày 30/11/2018 hai bên đã cùng ngồi và thỏa thuận chốt sổ với tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến thời điểm 30/11/2018 là 169.513.000 đồng. Do anh T không trả tiền nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T phải trả ông số tiền gốc đến ngày 30/11/2018 là: 169.513.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/11/2018 đến ngày 30/6/2019 là 9.618.000 đồng, tổng cả gốc và lãi: 179.131.000 đồng. Tại phiên tòa ông thay đổi quan điểm, đề nghị Tòa án buộc anh T phải trả ông tổng số tiền như đã thỏa thuận chốt đến ngày 30/11/2018 với tổng số tiền 169.513.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 91.600.000 đồng và tiền lãi là 77.913.000 đồng, đồng thời đề nghị tiếp tục tính lãi từ ngày chốt nợ đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tài liệu chứng cứ ông Th nộp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: 01 Sổ ghi nợ gồm 23 tờ có liên quan việc xác nhận nợ của anh Dương Văn T (Bản viết tay).

[2]. Tại Biên bản lấy lời khai đề ngày 10/9/2019 bị đơn anh Dương Văn T trình bày: Do có quan hệ quen biết với ông Nguyễn Văn Th, gia đình anh có thường xuyên lấy hàng (thức ăn gia súc) của cửa hàng ông Nguyễn Văn Th. Số tiền mua thức ăn gia súc anh còn nợ lại đến ngày 22/9/2012 là: 91.600.000 đồng. Nay ông Th khởi kiện anh đồng ý trả số tiền gốc trên cho ông Th theo quy định của pháp luật, đề nghị xem xét về số tiền đã thanh toán cho ông Th sau khi chốt nợ ngày 22/9/2012.

[3]. Đại diện Viện kiểm sát thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th. Buộc anh Dương Văn T phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Th toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự thủ tục tố tụng:

[1.1] Về Thẩm quyền: Yêu cầu khởi kiện tranh chấp giao dịch mua bán hàng hóa (thức ăn chăn nuôi gạo, ngô, cám) của ông Nguyễn Văn Th đối với anh Dương Văn T do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về giao dịch dân sự, quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại tổ B, phường TL, TPTN, tỉnh Thái Nguyên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tuy nhiên bị đơn anh Dương Văn T không có mặt để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử công khai. Tại phiên tòa ngày hôm nay mặc dù anh Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Dương Văn T.

[1.3] Về áp dụng pháp luật: Việc giao dịch mua bán hàng hóa giữa ông Th và anh T thực hiện xong từ năm 2012, đến nay xảy ra tranh chấp do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết tranh chấp.

[2]. Về nội dung vụ án: Trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến tháng 09/2012 giữa ông Nguyễn Văn Th và anh Dương Văn T có phát sinh các giao dịch mua bán gạo, ngô, cám phục vụ cho việc chăn nuôi. Quá trình mua bán có lúc anh T lấy hàng rồi thanh toán luôn, có lúc nợ lại, do vậy hai bên đã lập 01 quyển sổ để theo dõi mỗi lần mua hàng và thanh toán tiền hàng. Tính đến ngày 22/9/2012 anh T còn nợ ông Th tổng số tiền là 91.600.000 đồng (Chín mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng), giữa anh T và ông Th có ký sổ chốt số tiền nợ gốc, sau đó anh T không trả tiền cho ông Th nên ông khởi kiện và yêu cầu anh T phải trả số tiền gốc và tiền lãi. Bị đơn anh Dương Văn T xác nhận từ năm 2011 đến tháng 09/2012 có nợ tiền gốc tính đến ngày 22/9/2012 là 91.600.000 đồng như ông Th trình bày. Việc giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi, gạo giữa ông Th và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, được quy định tại Bộ luật Dân sự, do đó yêu cầu khởi kiện của ông Tuấn được xem xét theo quy định pháp luật.

[2.1] Ông Nguyễn Văn Th khởi kiện yêu cầu anh Dương Văn T phải trả số tiền gốc là 169.513.000 đồng (chốt đến ngày 30/11/2018), tuy nhiên tại phiên tòa ông Th xác định số tiền 169.513.000 đồng chốt đến ngày 30/11/2018 bao gồm cả tiền lãi, trong đó có số tiền nợ gốc chốt đến ngày 22/9/2012 là 91.600.000 đồng (Chín mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) là phù hợp với lời khai của anh T cũng như phù hợp với sổ chốt nợ giữa ông Th và anh T do đó có căn cứ chấp nhận buộc anh T phải trả số tiền nợ gốc cho ông Th là 91.600.000 đồng (Chín mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

[2.2] Về số tiền lãi: Trong sổ mua bán hai bên thể hiện, sau khi chốt tổng nợ ngày 22/9/2012, hai bên có thỏa thuận về tính lãi “Anh T phải trả lãi theo lãi xuất ngân hàng với mức 15%/năm”, thỏa thuận về tính lãi giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 nên được chấp nhận tuy nhiên tại phiên tòa ông Th xác định số tiền chốt nợ bao gồm cả tiền lãi tính đến ngày 30/11/2018 do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5

Bộ luật tố tụng dân sự ghi nhận phần lãi xuất tính đến ngày 30/11/2018 là 77.913.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 1/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (22/11/2019) căn cứ theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 áp dụng lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng), cụ thể: 91.600.000 đồng x 0,83%/tháng x 11 tháng 21 ngày = 8.895.276 đồng. Như vậy tổng số tiền gốc và lãi anh T phải trả cho ông Th gồm tiền gốc: 91.600.000 đồng + tiền lãi (77.913.000 đồng + 8.895.276 đồng) = 178.408.276 đồng.

Tuy nhiên sau khi chốt nợ ngày 22/9/2012 anh T đã 16 lần trả nợ cho ông Th với tổng số tiền là 57.591.000 đồng do đó số tiền anh T còn phải trả ông Th là 120.817.276 đồng (Một trăm hai mươi triệu tám trăm mười bảy đồng hai trăm bảy mươi sáu đồng).

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 203, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 468 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 305, Điều 428, Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th

1. Buộc anh Dương Văn T phải trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền 120.817.276 đồng (Một trăm hai mươi triệu, tám trăm mười bảy nghìn, hai trăm bảy sáu đồng), trong đó tiền nợ gốc 91.600.000 đồng (chín một triệu sáu trăm nghìn đồng) và tiền lãi 29.217.276 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm mười bảy nghìn hai trăm bảy sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2 Về án phí:

2.1 Anh Dương Văn T phải chịu 6.040.864 (Sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn tám trăm sáu mươi tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách nhà nước.

2.2 Ông Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả ông Th số tiền 4.480.000đ (bằng chữ: Bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002029 ngày 31/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyền kháng cáo: Dương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bích Hiền